

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :300

Sang : Phở gà cà rốt củ cải gia hạnh tay rau
hung
Sữa grow
Trữa : Cơm xúc xích rim xì dầu
Canh rau ngọt mướp hen thòt heo nạc
Mon xao: nẫu nưa
Xe: nộm tác
Xe chiều:Hoanh thanh thòt tom tồì nam
mướp cà rốt gia su su
NT:Bun thòt tom tồì nam mướp cà rốt gia su
su

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 37015				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân giá(đ/100g)	Thành tiền(đ)
	*CHỒ			
1	Ram (muối)	3,000	1,060	31,800
2	Hen	1,500	18,900	283,500
3	Tom biền	4,000	36,540	1,461,600
4	Nộm măm Ca (loại 1)	3,000	6,160	184,800
5	Dầu thảo mộc	4,000	6,280	251,200
6	Nộm cat	7,000	3,880	271,600
7	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
8	Xì dầu	3,000	990	29,700
9	Gạo tẻ máy	16,000	2,630	420,800
10	Hạnh lã	1,500	5,250	78,750
11	Hạnh củ tồì	1,000	6,300	63,000
12	Cà rốt	5,000	5,570	278,500
13	Gia nẫu xanh	2,000	2,730	54,600
14	Mướp	8,500	4,200	357,000
15	Củ cải trắng	500	3,050	15,250
16	Nẫu nưa	3,000	3,780	113,400
17	Rau ngọt	3,500	5,570	194,950
18	Hạnh tay	500	3,680	18,400
19	Rau húng	100	11,030	11,030
20	Nấm rơm	500	14,180	70,900
21	Su su	2,000	3,260	65,200
22	Bun	3,000	1,710	51,300
23	Bánh phở	16,000	1,820	291,200
24	Hoanh thanh	10,000	5,280	528,000
25	Xúc xích	12,500	17,600	2,200,000
26	Thòt lợn nạc	8,200	18,800	1,541,600
27	Thòt gà loại 1	3,000	12,920	387,600
28	Quat chín (cà vò)	7,500	4,730	354,750
Cong				9,649,130
	*XUẤT KHO			
29	Sữa bột Abbott Grow	7,100	20,500	1,455,500
Cong				1,455,500
Tổng tiền thức phẩm				11,104,630 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nộm chi trong ngày				11100000(đ)
Số dõ nẫu ngay				0(đ)
Số dõ cuối ngày				-4630(đ)
Xuất ăn luy kê tồ nẫu tháng				
Tiêu chuẩn luy kê tồ nẫu tháng				
Tiền chi luy kê tồ nẫu tháng				